

**THÔNG TƯ**  
**Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa**

Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa<sup>1</sup>.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và việc tổ chức thực hiện đăng kiểm cho các phương tiện thủy nội địa.

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

---

<sup>1</sup> Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020 có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;*  
*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm.”*

- a) Phương tiện thủy nội địa làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá;
- b) Phương tiện thủy nội địa không có động cơ trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người;
- c) Phương tiện thủy nội địa có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa và có sức chở dưới 5 người;
- d) Bè.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi tắt là sản phẩm công nghiệp) gồm: Vật liệu, máy móc và các trang thiết bị được sử dụng trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi lắp đặt trên phương tiện thủy nội địa.

2. Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi tắt là Tem kiểm định) là biểu trưng cấp cho phương tiện thủy nội địa đã được cơ quan đăng kiểm chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

3. Hồ sơ thiết kế gồm: Hồ sơ thiết kế đóng mới, hoán cải, sửa đổi đối với phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi và nhập khẩu; thiết kế lập hồ sơ đối với phương tiện nhập khẩu, phương tiện đã đóng mà không có sự giám sát của đăng kiểm; thiết kế sản phẩm công nghiệp; thiết kế mẫu định hình; thiết kế chuyển đổi tàu biển thành phương tiện thủy nội địa.

4. Tài liệu hướng dẫn gồm: Thông báo ổn định cho thuyền trưởng, Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu, Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm của tàu do chở các chất lỏng độc hại.

5. Sao và thẩm định mẫu định hình là sao và thẩm định thiết kế trên cơ sở thiết kế mẫu định hình đã được thẩm định.

## **Chương II**

### **ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN**

#### **Điều 4. Nội dung công tác đăng kiểm phương tiện**

- 1. Thẩm định hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn của tàu.
- 2. Kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là kiểm tra), cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cho phương tiện nhập khẩu.
- 3. Kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận cho sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện.

4. Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cho phương tiện trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi.

5. Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cho phương tiện trong quá trình hoạt động.

6. Đo đạc xác định trọng tải toàn phần và dung tích của phương tiện.

7. Đo đạc xác định mạn khô và vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện.

8. Sao và thẩm định mẫu định hình; thẩm định thiết kế thi công, thiết kế hoàn công cho phương tiện.

#### **Điều 5. Căn cứ đánh giá chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và sản phẩm công nghiệp**

Công tác đăng kiểm quy định tại Điều 4 của Thông tư này phải được tiến hành theo quy định của các quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

#### **Điều 6. Các loại hình kiểm tra phương tiện**

1. Các loại hình kiểm tra phương tiện bao gồm:

a) Kiểm tra lần đầu, bao gồm: kiểm tra phương tiện khi đóng mới, phương tiện nhập khẩu, phương tiện đăng ký hành chính lần đầu;

b) Kiểm tra chu kỳ, bao gồm: kiểm tra định kỳ; kiểm tra hàng năm; kiểm tra trên đà; kiểm tra trung gian;

c) Kiểm tra bất thường theo quy định tại hệ thống quy phạm, các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

2. Nội dung và thời hạn các loại hình kiểm tra được thực hiện theo quy định tại hệ thống quy phạm, các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

#### **Điều 7. Nguyên tắc kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa**

1. Phương tiện phải được kiểm tra lần đầu, cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa trước khi đăng ký hành chính lần đầu.

2. Phương tiện được đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi ở khu vực nào thì đơn vị đăng kiểm có đủ năng lực, thẩm quyền phụ trách khu vực đó thực hiện kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa.

3. Phương tiện đã đăng ký hành chính khi kiểm tra chu kỳ, kiểm tra bất thường được kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa tại bất kỳ đơn vị đăng kiểm nào có đủ năng lực, thẩm quyền phụ trách khu vực phương tiện neo đậu.

4. Các đơn vị đăng kiểm chỉ được kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa phù hợp với năng lực, thẩm quyền và trong khu vực được giao.

### **Chương III**

## **THỦ TỤC THẨM ĐỊNH HỒ SƠ THIẾT KẾ, TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN; KIỂM TRA, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA; KIỂM TRA, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP**

### **Điều 8. Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế, tài liệu hướng dẫn**

1. Đối với thẩm định thiết kế đóng mới, hoán cải, sửa đổi, lập hồ sơ, hồ sơ bao gồm:

a) 01 bản chính Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này;

b) 03 bản chính hồ sơ thiết kế gồm bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật (nếu có) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho phương tiện. Đối với hồ sơ thiết kế do đơn vị thiết kế nước ngoài thiết kế hoặc chủ phương tiện là người nước ngoài hoặc thiết kế phương tiện đóng ở Việt Nam đề xuất khâu thì ngôn ngữ sử dụng trong thuyết minh, bản tính phải là tiếng Việt hoặc tiếng Anh có kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt, còn ngôn ngữ sử dụng trong bản vẽ là tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

c) Đối với thiết kế lập hồ sơ của phương tiện đã đóng trong nước mà không có sự giám sát của đăng kiểm, ngoài các giấy tờ phải nộp quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì phải trình: Hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ chứng minh phương tiện là tài sản hợp pháp của chủ phương tiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của tài sản đó.

2. Đối với thẩm định thiết kế mẫu định hình, hồ sơ bao gồm:

a) 01 bản chính Giấy đề nghị thẩm định mẫu định hình phương tiện thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này;

b) 03 bản chính hồ sơ thiết kế gồm bản tính, bản vẽ, thuyết minh theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho phương tiện.

3. Đối với sao và thẩm định mẫu định hình, hồ sơ bao gồm 01 bản chính Giấy đề nghị sử dụng mẫu định hình phương tiện thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này.

4. Đối với thẩm định thiết kế phương tiện nhập khẩu, hồ sơ bao gồm:

a) 01 bản chính Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này;

b) 03 bản chính hồ sơ thiết kế gồm bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật (nếu có) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật

áp dụng cho phương tiện và các tài liệu kỹ thuật của tổ chức nước ngoài cấp cho phương tiện (nếu có). Các thuyết minh và bản tính của hồ sơ thiết kế phải sử dụng ngôn ngữ là tiếng Việt hoặc tiếng Anh có kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt, các bản vẽ có thể sử dụng ngôn ngữ là tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

c) Hồ sơ xác định tuổi của phương tiện;

d) Tờ khai hàng hóa nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nhập khẩu (đối với trường hợp phương tiện đã nhập khẩu về Việt Nam).

5. Đối với thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp, hồ sơ bao gồm:

a) Trường hợp sản phẩm công nghiệp được sản xuất, chế tạo trong nước, hồ sơ nộp bao gồm: 01 bản chính Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này; 03 bản chính hồ sơ thiết kế gồm bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật (nếu có) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho sản phẩm;

b) Trường hợp sản phẩm công nghiệp nhập khẩu, hồ sơ nộp bao gồm: 01 bản chính Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này; 03 bản chính hồ sơ thiết kế gồm bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật nước ngoài cấp cho phương tiện (nếu có) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho sản phẩm. Các thuyết minh và bản tính của hồ sơ thiết kế phải sử dụng ngôn ngữ là tiếng Việt hoặc tiếng Anh có kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt, các bản vẽ có thể sử dụng ngôn ngữ là tiếng Việt hoặc tiếng Anh; tờ khai hàng hóa nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nhập khẩu.

6. Đối với thẩm định thiết kế chuyên đổi tàu biển thành phương tiện thủy nội địa, hồ sơ bao gồm:

a) 01 bản chính Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này;

b) 03 bản chính hồ sơ thiết kế gồm bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật (nếu có) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho phương tiện.

7. Đối với thẩm định tài liệu hướng dẫn, hồ sơ bao gồm:

a) 01 bản chính Giấy đề nghị thẩm định tài liệu hướng dẫn theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này;

b) 03 bản chính hồ sơ tài liệu hướng dẫn.

### **Điều 9. Trình tự thẩm định thiết kế, tài liệu hướng dẫn**

1. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm được Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm được Cục Đăng kiểm

Việt Nam ủy quyền tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác; nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả.

3. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị theo quy định, trong thời hạn 20 ngày làm việc đối với thiết kế loại phương tiện đóng bằng vật liệu mới, công dụng mới hoặc các phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, chở xô hóa chất nguy hiểm, tàu dầu có nhiệt độ chớp cháy nhỏ hơn hoặc bằng 60 °C, có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên; tàu khách cao tốc, tàu đệm khí; nhà hàng nổi, khách sạn nổi, tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, tàu chở khách có sức chở từ 100 khách trở lên hoặc trong thời hạn 5 ngày làm việc đối với thiết kế không phải là loại kể trên và tài liệu hướng dẫn, Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm được Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền hoàn thành thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn; nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Thông tư số 15/2013/TT-BGTVT ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về biểu mẫu giấy chứng nhận và số kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2013/TT-BGTVT), cấp Thông báo thẩm định tài liệu hướng dẫn/thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này; nếu không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để khắc phục các tồn tại.

4. Đối với các hồ sơ thiết kế đã khắc phục các tồn tại theo thông báo của Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm được Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền, kể từ ngày nhận hồ sơ thiết kế đã khắc phục, trong thời hạn 02 ngày làm việc hoàn thành thẩm định hồ sơ thiết kế; nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế như quy định tại khoản 3 Điều này; nếu không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện lại.

5. Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định thiết kế, tài liệu hướng dẫn nộp phí và lệ phí theo quy định và có thể nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm được Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

#### **Điều 10. Thủ tục kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa**

1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến đơn vị đăng kiểm, hồ sơ bao gồm: Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư này (trừ trường hợp đề nghị kiểm tra bằng hình thức đề nghị trực tiếp, gọi điện thoại), hồ sơ kỹ thuật của phương tiện. Hồ sơ kỹ thuật của phương tiện quy định như sau:

a) Đối với kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi

trường cho phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi hoặc phương tiện đã đóng mà không có sự giám sát của đăng kiểm thì trình bản gốc hồ sơ thiết kế đã được thẩm định.

b) Đối với kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện đang khai thác thì trình bản gốc Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa đã được cấp khi thực hiện kiểm tra phương tiện.

c) Đối với kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện chuyển đổi tàu biển thành phương tiện thủy nội địa thì trình bản gốc hồ sơ thiết kế chuyển đổi tàu biển thành phương tiện thủy nội địa đã được thẩm định và Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển Việt Nam.

2. Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác; nếu hồ sơ đã đầy đủ thì hẹn thời gian, địa điểm kiểm tra.

3. Đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm tra. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70 km và 02 (hai) ngày làm việc đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, nếu kết quả kiểm tra phương tiện thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật thì đơn vị đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo mẫu quy định tại Thông tư số 15/2013/TT-BGTVT và đóng dấu hoàn công vào các hồ sơ thiết kế hoàn công đối với trường hợp kiểm tra đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi loại phương tiện nêu ở khoản 1, 2, 3 Phụ lục IX của Thông tư này; nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

4. Tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra phương tiện nộp phí, lệ phí theo quy định và có thể nhận kết quả trực tiếp tại đơn vị đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

### **Điều 11. Thủ tục kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu**

1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam, hồ sơ bao gồm: Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư này (trừ trường hợp đề nghị trực tiếp, gọi điện thoại), hồ sơ kỹ thuật của phương tiện nhập khẩu. Hồ sơ kỹ thuật của phương tiện nhập khẩu quy định như sau:

a) Đối với phương tiện nhập khẩu đã được kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đăng kiểm bởi cơ quan đăng kiểm nước ngoài do Cục Đăng kiểm Việt Nam thừa nhận, khi nhập khẩu về Việt Nam thì nộp hồ sơ thiết kế phương tiện đã được cơ quan đăng kiểm nước ngoài thẩm định (bản sao kèm bản chính để đối chiếu),

bản chính hồ sơ đăng kiểm do cơ quan đăng kiểm nước ngoài cấp cho phương tiện, các tài liệu kỹ thuật liên quan đến phương tiện; trình hồ sơ để xác định tuổi phương tiện, bản sao chứng từ nhập khẩu có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu gồm hóa đơn thương mại hoặc các giấy tờ tương đương, tờ khai hàng hóa nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nhập khẩu;

b) Đối với phương tiện nhập khẩu đã được kiểm tra và cấp giấy chứng nhận bởi cơ quan đăng kiểm nước ngoài chưa được Cục Đăng kiểm Việt Nam thừa nhận hoặc chưa được cơ quan đăng kiểm nước ngoài kiểm tra, cấp giấy chứng nhận đăng kiểm thì trình bản chính hồ sơ thiết kế đã được thẩm định.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác; nếu hồ sơ đã đầy đủ thì hẹn thời gian, địa điểm kiểm tra.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm tra như sau:

a) Đối với phương tiện được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tiến hành kiểm tra để xác nhận tình trạng kỹ thuật thực tế của phương tiện so với hồ sơ thiết kế đã thẩm định và hồ sơ đăng kiểm đã cấp cho phương tiện;

b) Đối với phương tiện được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, tiến hành kiểm tra thực tế phương tiện với loại hình kiểm tra lần đầu.

4. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70 km và 02 (hai) ngày làm việc đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, nếu kết quả kiểm tra phương tiện thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật thì Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm được Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo mẫu quy định tại Thông tư số 15/2013/TT-BGTVT, nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

5. Tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra phương tiện nhập khẩu nộp phí, lệ phí theo quy định và có thể nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm được Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

## **Điều 12. Thủ tục kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa**

1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm được Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền. Hồ sơ đề nghị kiểm tra bao gồm: Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư này



(trừ trường hợp đề nghị trực tiếp, gọi điện thoại), hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm công nghiệp. Hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm công nghiệp quy định như sau:

a) Đối với sản phẩm công nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc theo lô trong nước thì trình bản gốc hồ sơ thiết kế đã được thẩm định;

b) Đối với sản phẩm công nghiệp nhập khẩu về Việt Nam đã được cơ quan đăng kiểm nước ngoài do Cục Đăng kiểm Việt Nam thừa nhận kiểm tra, thì nộp hồ sơ đăng kiểm do cơ quan đăng kiểm nước ngoài cấp cho sản phẩm công nghiệp (bản sao có bản chính để đối chiếu) và các tài liệu kỹ thuật liên quan (nếu có); Bản sao chứng từ nhập khẩu có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu gồm Hóa đơn thương mại hoặc các giấy tờ tương đương, tờ khai hàng hóa nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nhập khẩu;

c) Đối với sản phẩm công nghiệp nhập khẩu về Việt Nam đã được kiểm tra bởi cơ quan đăng kiểm nước ngoài nhưng chưa được Cục Đăng kiểm Việt Nam thừa nhận hoặc chưa được cơ quan đăng kiểm nước ngoài kiểm tra, thì trình bản gốc hồ sơ thiết kế đã được thẩm định.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm được Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác; nếu hồ sơ đã đầy đủ thì hẹn thời gian, địa điểm kiểm tra.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm được Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền tiến hành kiểm tra. Đối với sản phẩm quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc dưới 70 km và 02 (hai) ngày làm việc đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra sản phẩm công nghiệp ở vùng biển, đảo, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, nếu kết quả kiểm tra thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật thì Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm được Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền cấp các giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa theo mẫu quy định tại Thông tư số 15/2013/TT-BGTVT, nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

4. Tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra sản phẩm công nghiệp nộp phí, lệ phí theo quy định và có thể nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm được Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

### **Điều 13. Hồ sơ đăng kiểm, Tem kiểm định và số kiểm soát cấp cho phương tiện**

1. Phương tiện sau khi được kiểm tra có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật sẽ được cấp các hồ sơ sau:

a) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa;

b) Các loại biên bản và báo cáo kiểm tra kỹ thuật.

2. Ngoài các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này còn có:

a) Sổ kiểm tra thiết bị nâng hàng đối với phương tiện có thiết bị nâng hàng;

b) Sổ chứng nhận thể tích chiếm nước của phương tiện khi có yêu cầu của chủ phương tiện;

c) Cấp các giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

3. Tem kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này được cấp kèm theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa. Tem kiểm định được dán trên phương tiện như sau:

a) Đối với phương tiện có kính phía trước vô lăng lái: Tem kiểm định được dán ở mặt trong, góc trên, ngoài cùng, phía bên phải của kính (nhìn từ lái về mũi phương tiện), ở vị trí dễ quan sát;

b) Đối với phương tiện có ca-bin hoặc buồng ngủ nhưng không có kính vách phía trước: Tem kiểm định được dán ở mặt ngoài, góc trên, ngoài cùng, phía bên phải của vách trước ca-bin hoặc buồng ngủ (nhìn từ lái về mũi phương tiện), ở vị trí dễ quan sát;

c) Đối với phương tiện không thuộc điểm a, b khoản này nhưng có thành quây hầm hàng: Tem kiểm định được dán ở mặt ngoài, góc trên, ngoài cùng, phía bên phải của thành quây hầm hàng phía mũi (ngay phía dưới của thanh gia cường mép miệng quây), ở vị trí dễ quan sát;

d) Đối với phương tiện còn lại: Tem kiểm định được dán ở vị trí dễ quan sát, ít bị va chạm và ít bị ảnh hưởng của thời tiết.

4. Số kiểm soát

a) Phương tiện sau khi được kiểm tra thỏa mãn các yêu cầu theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật sẽ được đóng hoặc gắn một số kiểm soát, số kiểm soát được đóng hoặc gắn trên phương tiện nhằm kiểm soát từng phương tiện và số lượng phương tiện đã được đăng kiểm trên toàn quốc;

b) Số kiểm soát gồm phần chữ và phần số. Phần chữ gồm hai chữ cái in hoa là VR (đối với các phương tiện quy định tại khoản 1, 2, 3 Phụ lục IX của Thông tư này), VS (đối với các phương tiện quy định tại khoản 4 Phụ lục IX của Thông tư này). Phần số gồm 8 (tám) chữ số, hai chữ số đầu là 2 (hai) chữ số cuối của năm đóng phương tiện, sáu chữ số tiếp theo là số tự nhiên do Cục Đăng kiểm Việt Nam quản lý và cấp trực tiếp cho các đơn vị đăng kiểm. Số này được lưu vào cơ sở dữ liệu quản lý đăng kiểm phương tiện trong suốt quá trình hoạt động của phương tiện;

c) Các đơn vị đăng kiểm, khi nhận được phiếu cấp phát 6 (sáu) chữ số tự

nhiên từ Cục Đăng kiểm Việt Nam, phải xác nhận về Cục Đăng kiểm Việt Nam. Đơn vị đăng kiểm sử dụng số kiểm soát theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn. Hàng tháng, đơn vị phải báo cáo việc sử dụng số kiểm soát, dự trù kế hoạch sử dụng của tháng tiếp theo và báo cáo về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

5. Kích thước, vị trí số kiểm soát theo quy định tại Phụ lục VIII của Thông tư này.

## **Chương IV**

### **CƠ QUAN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

#### **Điều 14. Cơ quan thực hiện đăng kiểm phương tiện**

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung đăng kiểm quy định tại Điều 4 của Thông tư này; tổ chức hệ thống đơn vị đăng kiểm thống nhất trong phạm vi cả nước; thực hiện công tác đăng kiểm quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 4 của Thông tư này.

2. Các đơn vị đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở Giao thông vận tải (sau đây gọi là đơn vị đăng kiểm) đã được xác nhận và thông báo hạng đơn vị đăng kiểm sẽ được thực hiện nội dung công tác đăng kiểm quy định tại khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 4 của Thông tư này và các nội dung đăng kiểm khác khi được Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền phù hợp với năng lực của đơn vị đăng kiểm sau khi được xác nhận và thông báo.

3. Đơn vị đăng kiểm được chia thành hạng I, hạng II, hạng III theo yêu cầu về năng lực quy định tại Phụ lục X của Thông tư này và thực hiện công tác đăng kiểm như sau:

a) Đơn vị đăng kiểm hạng III thực hiện công tác đăng kiểm cho các phương tiện thuộc khoản 4 Phụ lục IX của Thông tư này.

b) Đơn vị đăng kiểm hạng II thực hiện công tác đăng kiểm cho các phương tiện thuộc khoản 1, 2, 3, 4 Phụ lục IX của Thông tư này (trừ tàu hàng có trọng tải toàn phần từ 2000 tấn trở lên; tàu dầu có nhiệt độ chớp cháy lớn hơn 60°C, có trọng tải toàn phần từ 1000 tấn trở lên; tàu dầu có nhiệt độ chớp cháy nhỏ hơn hoặc bằng 60°C, có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên; tàu hàng cấp VR-SB có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên hoặc tàu khách cấp VR-SB có sức chở từ 50 người trở lên; tàu đệm khí; tàu chở xô hóa chất nguy hiểm; tàu chở khí hóa lỏng).

c) Đơn vị đăng kiểm hạng I thực hiện công tác đăng kiểm cho tất cả các loại phương tiện thủy nội địa.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam**

1. Xây dựng mới hoặc bổ sung, sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện trình cơ quan có thẩm quyền ban hành; xây dựng, ban hành các quy định về nghiệp vụ

đăng kiểm để áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện.

2. Tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ về đăng kiểm phương tiện và kiểm tra thực hiện Thông tư này.

3. Xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng thống nhất Cơ sở dữ liệu quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; nối mạng truyền số liệu và quản lý dữ liệu phương tiện của các đơn vị đăng kiểm.

4. Tổ chức tập huấn về nghiệp vụ đăng kiểm.

5. Thực hiện việc xác nhận và thông báo năng lực đơn vị đăng kiểm theo quy định tại Phụ lục X. Công bố hạng các đơn vị đăng kiểm trên trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

6. Công bố danh sách các đơn vị đăng kiểm được Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền thực hiện công tác đăng kiểm trên trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

7. Kiểm tra, giám sát công tác đăng kiểm của các đơn vị đăng kiểm. Xử lý hoặc đề nghị xử lý sai phạm của cá nhân và đơn vị đăng kiểm theo quy định.

8. Quy định các biên bản, báo cáo kiểm tra kỹ thuật cấp cho phương tiện.

9. In ấn, quản lý, cấp phát các loại ấn chỉ, ấn phẩm sử dụng trong đăng kiểm phương tiện.

10. Báo cáo kết quả thực hiện công tác đăng kiểm theo quy định.

11. Thu phí, lệ phí theo quy định hiện hành.

### **Điều 16. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**

1. Kiểm tra, giám sát hoạt động và xử lý sai phạm của các cá nhân, đơn vị đăng kiểm thuộc địa phương quản lý. Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra công tác đăng kiểm của các đơn vị đăng kiểm trực thuộc địa phương quản lý.

2. Chỉ đạo các đơn vị chức năng của Sở Giao thông vận tải:

a) Phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động, kiểm tra, xử lý những trường hợp không tuân thủ các quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

b) Phối hợp với đơn vị đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện đăng kiểm phương tiện, đối với trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 17 của Thông tư này.

### **Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm**

1. Đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thực hiện nội dung đăng kiểm theo quy định đối với loại phương tiện quy định tại khoản 4 Phụ lục IX thuộc địa phương quản lý và các phương tiện quy định tại khoản 3 Phụ lục IX của Thông tư này khi đủ năng lực và được Cục Đăng kiểm

Việt Nam xác nhận và thông báo.

2. Đơn vị đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm thực hiện nội dung đăng kiểm theo quy định đối với loại phương tiện quy định tại khoản 1, 2, 3 Phụ lục IX của Thông tư này. Trong trường hợp có đề nghị của Sở Giao thông vận tải thì nhiệm vụ đăng kiểm được phân công cho đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở Giao thông vận tải sẽ do đơn vị đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện.

3. Đơn vị đăng kiểm phải đáp ứng yêu cầu về năng lực và phải được xác nhận và thông báo có đủ năng lực phù hợp với hạng I, II, III quy định tại Phụ lục X của Thông tư này.

4. Đơn vị đăng kiểm phải có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực thực hiện công tác đăng kiểm trên địa bàn được giao thỏa mãn quy định tại Phụ lục X và Phụ lục XI; Phân công đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra theo đúng trình độ và năng lực ghi trong giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

5. Thực hiện kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa một cách khách quan, phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ và đúng pháp luật.

6. Người đứng đầu đơn vị đăng kiểm và đăng kiểm viên trực tiếp thực hiện kiểm tra phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra.

7. Công khai trình tự, thủ tục, nội dung quy trình, phí, lệ phí và thời gian làm việc.

8<sup>2</sup>. Thực hiện chế độ lưu trữ theo quy định và báo cáo kết quả thực hiện công tác đăng kiểm theo các nội dung sau:

- a) Tên báo cáo: Công tác giám sát kỹ thuật phương tiện thủy nội địa;
- b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo số lượt kiểm tra phương tiện phân theo loại hình;
- c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Các đơn vị đăng kiểm;
- d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử; được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phương thức điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;
- e) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 28 hàng tháng;
- g) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ hàng tháng hoặc theo yêu cầu;
- h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 26 tháng trước kỳ báo cáo

<sup>2</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020

đến ngày 25 của tháng kỳ báo cáo;

i) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Cục Đăng kiểm Việt Nam về công tác kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện.

10. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đăng kiểm của cơ quan chức năng.

11. Quản lý, giám sát hoạt động đăng kiểm, thường xuyên giáo dục đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ, đăng kiểm viên và nhân viên; phòng, chống tiêu cực trong hoạt động đăng kiểm của đơn vị.

12. Thu phí, lệ phí theo quy định hiện hành.

13. Khi nhận được yêu cầu kiểm tra bất thường bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đơn vị đăng kiểm phải tổ chức thực hiện kiểm tra và trả lời bằng văn bản về kết quả kiểm tra theo nội dung, thời gian và địa điểm yêu cầu kiểm tra.

14. Thu hồi giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và Tem kiểm định của phương tiện trong trường hợp tàu bị tai nạn mà không còn đảm bảo trạng thái kỹ thuật; thu hồi giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong trường hợp cấp hồ sơ đăng kiểm mới khi thực hiện chu kỳ kiểm tra tiếp theo.

**Điều 18. Trách nhiệm của chủ phương tiện, cơ sở thiết kế, đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện, cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp, cơ sở thử nghiệm phục vụ công tác đăng kiểm**

1. Thực hiện các quy định về đăng kiểm phương tiện, sản phẩm công nghiệp tại Thông tư này và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Nộp lại Giấy chứng nhận và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của đơn vị đăng kiểm hoặc khi nhận Giấy chứng nhận và Tem kiểm định mới (trừ trường hợp bị mất).

3. Nộp phí và lệ phí theo quy định.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 19. Hiệu lực thi hành<sup>3</sup>**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

<sup>3</sup> Điều 8 của Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020, quy định như sau:

**“Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

2. Bãi bỏ Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004, Thông tư số 34/2011/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004 và tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ của đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

### **Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các đơn vị đăng kiểm đang hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004 cho đến khi được đánh giá, xác nhận năng lực.

2. Trước ngày 01 tháng 01 năm 2018, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải xác nhận năng lực và thông báo cho các đơn vị đăng kiểm.

### **Điều 21. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Số: 08 /VBHN-BGTVT

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: Văn thư, PC (2).

*(Handwritten mark)*



**BỘ TRƯỞNG**

*(Handwritten signature)*  
**Nguyễn Văn Thế**